

Bản án số: **07/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 27 - 01 - 2021
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh
2. Bà Trần Thị Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 460/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Số 1144/18 đường D, Tổ 14, Khu phố 2, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Sơn Ngọc T, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Số 13/14 đường D, Tổ 14, Khu phố 2, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà H và ông T là vợ chồng, kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương theo Trích lục kết hôn số 379/TLKH-BS, ngày 04/9/2020.

Sau khi kết hôn, ông T về chung sống với gia đình bà H. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc nhưng một năm sau khi kết hôn thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn, làm công việc gì một thời gian thì nghỉ, bà H đi làm ở công ty chụp hình chung

với đồng nghiệp nam thì ông T ghen tuông vô cớ, đặt chuyện vu khống bà H cặp người này, người kia. Bà H phân tích, khuyên can nhưng ông T không thay đổi, không lo làm ăn nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến tháng 5/2020 ông T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Bà H và ông T sống ly thân nhau từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, ông T nhắn tin năn nỉ xin hàn gắn tình cảm nhưng bà H không chấp nhận, sau đó ông T chuyển qua đe dọa đòi đánh bà H, đòi tự tử, chạy xe honda theo bà H, nhắn tin kể lể chuyện giúp đỡ gia đình bà H, chở mẹ bà H đi khám bệnh... Bà H nhận thấy mâu thuẫn với ông T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Sơn Ngọc T không đến Tòa án làm việc; không nộp văn bản nêu ý kiến và giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa,

- Bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không giao nộp thêm chứng cứ cho Tòa án.

- Ông T đã được Tòa án triệu hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt ông T.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy hôn nhân của bà H, ông T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện về ly hôn của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố M, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không

áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Về hôn nhân: Bà H, ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận. Bà H nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do vợ chồng sống không hạnh phúc, ông T không có trách nhiệm với gia đình, không cố gắng làm việc và ghen tuông vô vớ. Bà H nhiều lần khuyên can, giải thích nhưng ông T không sửa đổi. Ông T không đến Tòa án trình bày ý kiến, phản bác ý kiến của bà H. Do đó, ý kiến của bà H thuộc trường hợp tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà H, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà H, ông T là có thật, hiện tại cả hai đã sống ly thân nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nên tảng một gia đình hạnh phúc không có. Tòa án thông báo cho ông T đến hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng ông T không đến. Chứng tỏ ông T cũng không còn tình cảm với bà H, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H, ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Bà H, ông T không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có, ông T không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H đối với bị đơn ông Sơn Ngọc T về việc tranh chấp ly hôn.

- Về hôn nhân: Bà H được ly hôn ông T.

- Về con chung: Bà H, ông T không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tòa không giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà H nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050434, ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. M;
- Đường sự;
- UBND phường H, TP.M;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình